

Bản án số: 811/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2019.

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Bé.

2/ Bà Phạm Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lua – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1983; (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Cùng ngụ địa chỉ: số 883 TL 02, tổ 5, ấp V, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 12/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Duy L trình bày: Ông và bà L1 tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, cưới nhau năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 27/5/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhà cha mẹ chồng, chung sống hạnh phúc được một thời gian đến khoảng sau khi sinh con 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai người có nhiều khác biệt về cách sống, quan điểm sống, bà L1 không quan tâm đến chồng con, có nhân tình khác bên ngoài, thường đi sớm về muộn không rõ nguyên nhân và đi đâu không nói, ông bà đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó hàn gắn đoàn tụ lại. Nay, ông L cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà L1 không còn quan tâm đến chồng con nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị L1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày: 30/4/2013; ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Bản sao giấy khai sinh; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn là không yêu cầu bà L1 cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí ông L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa nhưng bà L1 không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L1 và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy L và bà Nguyễn Thị L1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 1/2013 ngày 27/5/2013 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông L xin ly hôn với bà L1 là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của ông L mâu thuẫn giữa ông với bà L1 là trầm trọng và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống; ông bà có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống; bà L1 không quan

tâm đến chồng con, có nhân tình khác bên ngoài, thường đi sớm về muộn không rõ nguyên nhân và hiện nay bà L1 làm công việc gì ông cũng không biết.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông L và bà L1 không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày: 30/4/2013. Xét yêu cầu của ông L là được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu bà L1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện trẻ T đang chung sống cùng ông L, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Nguyễn Đức T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và ghi nhận sự tự nguyện của ông L là không yêu cầu bà L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc ông L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; các điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Duy L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy L được ly hôn với bà Nguyễn Thị L1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyền số 1/2013 ngày 27/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông L1, bà L1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày: 30/4/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà L1 cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng, nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bà L1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L1.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc ông Nguyễn Duy L phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0008160 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương